| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 8 – VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 186/2026/DS-ST
Ngày: 10/6/2026
V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Giả Huệ Tiên

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Mai Văn Nghĩa

2. Ông Lê Văn Đạo

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long***: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2026/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2026/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2026/QĐST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị D, sinh năm 1995 – Chủ Hộ Kinh Doanh Đại lý H2. Số căn cước công dân: 052195007416 do Cục C về TTXH cấp ngày 04/3/2022.

Nơi thường trú: Thôn V, xã P, tỉnh Gia Lai.

Cư trú tại: Ấp D C, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Dương Thị Thùy Q, sinh năm 1995. Số căn cước công dân: 083195008883 do Cục C về TTXH cấp ngày 10/5/2021 (có mặt)

Nơi thường trú: 321 ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

Cư trú tại: Ấp D C, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

(Giấy ủy quyền ngày 12/5/2026).

- *Bị đơn*:

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1971. Số căn cước công dân: 083071015714 do Cục C về TTXH cấp ngày 16/06/2021 (vắng mặt).

2. Bà Hồ Thị D1, sinh năm 1973. Số căn cước công dân: 083173012966 do Cục C về TTXH cấp ngày 16/06/2021 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Dương Thị Thùy Q trình bày:*

Vào ngày 01/5/2023 và ngày 01/01/2024, hộ kinh doanh H3 (gọi tắt là Hưng Lộc P) và ông Lê Văn H, bà Hồ Thị D1 có hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm. Theo đó, Hưng Lộc P bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H1 và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông Lê Văn H, bà Hồ Thị D1. Đến cuối vụ, ông H và bà D1 phải thanh toán dứt điểm công nợ cho Hưng Lộc P.

Trong quá trình giao dịch, ông H và bà D1 không trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán hết công nợ cho Hưng Lộc P. Tuy nhiên, Hưng Lộc P vẫn tiếp tục hỗ bán thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm cho ông H và bà D1 ở những mùa vụ tiếp theo. Sau khi thu hoạch, ông H và bà D1 vẫn không thanh toán nợ cũ và nợ mới cho Hưng Lộc P. Đôi bên đã ngưng giao dịch từ ngày 01/6/2024. Theo sổ công nợ đến ngày 09/5/2024, ông H và bà D1 còn nợ Hưng Lộc P số tiền 50.102.000 đồng. Hưng Lộc P đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông H, bà D1 thanh toán nợ nhưng ông bà chỉ hứa hẹn không chịu trả nợ.

Do đó, nguyên đơn bà Đặng Thị D – Chủ Hộ Kinh Doanh Đại lý H2 khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn H và bà Hồ Thị D1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 59.287.000 đồng, trong đó nợ gốc là 50.102.000 đồng và tiền lãi từ ngày 06/8/2024 đến ngày 06/6/2026 (50.102.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 10 tháng), thành tiền là 9.185.000 đồng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn H và bà Hồ Thị D1 vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện*

*của nguyên đơn.*

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*:

Thẩm phán được phân công thụ lý xác định đây là vụ án "*tranh chấp hợp đồng mua bán*" là đúng quan hệ tranh chấp. Quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long theo qui định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về: xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; lập biên bản xác minh, tiến hành mở phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo qui định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 430, 434, 440, 468, 288 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị D – Chủ Hộ Kinh Doanh Đại lý H2. Buộc bị đơn ông Lê Văn H và bà Hồ Thị D1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 59.287.000 đồng, trong đó nợ gốc là 50.102.000 đồng, tiền lãi là 9.185.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: đương sự nộp theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Đặng Thị D – Chủ Hộ Kinh Doanh Đại lý H2 khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với ông Lê Văn H và bà Hồ Thị D1 có địa chỉ tại ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Văn H và bà Hồ Thị D1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà D1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Văn H trả số tiền nợ gốc 50.102.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là 02 hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản được lập ngày 01/5/2023 và ngày 01/01/2024 giữa bên bán là hộ kinh doanh Hưng Lộc P và bên mua là ông Lê Văn H sinh năm 1971 và bà Hồ Thị D1 sinh năm 1973, cùng địa chỉ tại ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long). Theo nội dung hợp đồng này thì Hưng Lộc P bán cho ông H và bà D1 thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H1 và các nhãn hiệu khác cùng thuốc, hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Ông H, bà D1 có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho Hưng Lộc P ngay khi thu hoạch tôm. Hợp đồng này có chữ ký tên của ông Lê Văn H, bà Hồ Thị D1. Ngoài ra, nguyên đơn còn cung cấp chứng cứ là bảng đối chiếu xác nhận công nợ có nội dung thể hiện quá trình mua bán từ ngày 25/9/2023 đến ngày 09/5/2024 với số công nợ là 50.102.000 đồng, có chữ ký tên xác nhận của ông Lê Văn H. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm ông H, bà D1 không thanh toán tiền cho nguyên đơn.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ cho ông H, bà D1 để nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp nhưng H và bà D1 không có văn bản trình bày ý kiến. Ông H và bà D1 cũng không đến tòa tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa là hoàn toàn từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình.

Do đó, Căn cứ vào hợp đồng mua bán và bảng đối chiếu xác nhận công nợ giữa đôi bên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Do ông H chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thức ăn nên nguyên đơn yêu cầu trả lãi từ ngày 06/8/2024 đến ngày 06/6/2026 với lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể tiền lãi là: 50.102.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 10 tháng, thành tiền 9.185.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 59.287.000 đồng.

[4] Theo kết quả xác minh tại địa phương thì ông Lê Văn H và bà Hồ Thị D1 không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, do bà Hồ Thị D1 và ông Lê Văn H cùng

tham gia giao kết hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với nguyên đơn và theo văn bản cung cấp thông tin dữ liệu cá nhân của Công an xã T thì ông H và bà D1 có quan hệ vợ chồng, đôi bên vẫn đang chung sống tại địa phương. Do đó, căn cứ Điều 288 Bộ luật dân sự, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà D1 liên đới cùng ông H trả số tiền nợ 59.287.000 đồng là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 59.287.000 đồng x 5% = 2.964.350 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 430, 434, 440, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị D – Chủ Hộ Kinh Doanh Đại lý H2. Buộc bị đơn ông Lê Văn H và bà Hồ Thị D1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị D – Chủ Hộ Kinh Doanh Đại lý H số tiền 59.287.000 (Năm mươi chín triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn) đồng, trong đó nợ gốc là 50.102.000 (Năm mươi triệu một trăm lẻ hai nghìn) đồng, tiền lãi là 9.185.000 (Chín triệu một trăm tám mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bị đơn ông Lê Văn H và bà Hồ Thị D1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.964.350 (Hai triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm năm mươi) đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị D – Chủ Hộ Kinh Doanh Đại lý H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.418.875 (Một triệu bốn trăm mười tám nghìn tám trăm bảy mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012770 ngày 23/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Giả Huệ Tiên**